

THÔNG BÁO

V/v xét nâng bậc lương thường xuyên đợt 1 năm 2023

Kính gửi: **Lãnh đạo các đơn vị**

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Thực hiện Thông tư 08/2013/TT-BNV ngày 31/07/2013 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Thông tư 03/2021/TT-BNV, ngày 29/6/2021 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Thông tư số 1/VBHN-BNV, ngày 02/05/2022 văn bản hợp nhất của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Nhà trường thông báo việc xét nâng bậc lương đợt 1 năm 2023 như sau:

1. Nâng lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung

1.1. Điều kiện để nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung:

- Thời gian:

- + Đủ 24 tháng đối với viên chức và người lao động (VC, NLĐ) loại B, C, hạng IV;
- + Đủ 36 tháng đối với VC loại A, hạng I, II, III;
- + Đủ 12 tháng đối với VC, NLĐ đã hưởng phụ cấp vượt khung từ 5% trở lên.

- Điều kiện: Xếp loại VC, NLĐ: Hoàn thành nhiệm vụ trở lên (trong thời gian xét nâng bậc lương theo từng VC, NLĐ).

1.2. Thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên: Thực hiện theo điểm c, khoản 1, Điều 2, Thông tư 08/2013/TT-BNV, ngày 31/7/2013 và khoản 3, Điều 1 Thông tư 03/2021 của Bộ Nội vụ, gồm:

- Thời gian tập sự;
- Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương;
- Thời gian đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước và ở nước ngoài vượt quá thời hạn do cơ quan có thẩm quyền quyết định;



- Thời gian VC, NLD đào ngũ trong quá trình thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ;
- Thời gian bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam;
- Thời gian thử thách đối với VC, NLD bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo; trường hợp thời gian thử thách ít hơn thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên tính theo thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên.

1.3. Trường hợp bị kéo dài thời gian nâng bậc lương: Thực hiện theo khoản 5, Điều 1, Thông tư 03/2021/TT-BNV của Bộ Nội vụ, gồm:

- Kéo dài 12 tháng đối với các trường hợp viên chức bị kỷ luật cách chức quản lý.
- Kéo dài 06 tháng đối với các trường hợp: VC bị kỷ luật cảnh cáo; NLD bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo; VC, NLD xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ được giao hàng năm;
- Kéo dài 03 tháng đối với VC bị kỷ luật khiển trách.

Trường hợp vừa không hoàn thành nhiệm vụ được giao vừa bị kỷ luật thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên là tổng các thời gian bị kéo dài theo quy định.

Trường hợp bị đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ do bị kỷ luật (cùng một hành vi vi phạm) thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên tính theo hình thức kỷ luật tương ứng.

2. Chế độ nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người lao động đã có thông báo nghỉ hưu:

VC, NLD đã có thông báo nghỉ hưu, nếu trong thời gian giữ bậc đạt đủ 02 tiêu chuẩn quy định tại khoản 2, Điều 2, Thông tư 08/2013; khoản 4, Điều 1, Thông tư 03/2021/TT-BNV, chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh và kể từ ngày có thông báo nghỉ hưu đến trước ngày nghỉ hưu còn thiếu từ 12 tháng trở xuống để được nâng bậc lương thường xuyên theo quy định thì được xét nâng một bậc lương trước thời hạn bằng số tháng còn thiếu này.

Căn cứ hồ sơ quá trình công tác của VC, NLD, Hiệu trưởng thông báo đến toàn thể VC, NLD danh sách dự kiến nâng bậc lương thường xuyên đợt 1, nâng bậc lương trước thời hạn để nghỉ hưu, tăng phụ cấp thâm niên vượt khung năm 2023 được đăng tải trên website của Trường).

(Danh sách dự kiến nâng bậc lương thường xuyên đợt 1, nâng bậc lương trước thời hạn để nghỉ hưu, tăng phụ cấp thâm niên vượt khung năm 2023 được đăng tải trên website của Trường).

Nhận được Thông báo này, yêu cầu Lãnh đạo, Công đoàn các đơn vị thông báo đến toàn thể VC, NLD. Ý kiến phản hồi gửi về phòng Tổ chức cán bộ **trước ngày 06 tháng 7 năm 2023** (gặp đ/c Ngọc, ĐT: 0384661383).

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- P.TT&TVTS (đăng website)
- Lưu: VT, TCCB, Hội đồng lương.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thanh Trúc



Phụ lục

DANH SÁCH DỰ KIẾN VIÊN CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN, TĂNG PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG, NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ HƯU, TÍNH ĐẾN 30 THÁNG 6 NĂM 2023

(Kèm theo Thông báo số: 1301 /TB-ĐHTN ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc lương						Kết quả nâng bậc lương tính đến 30/6/2023						Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % phụ cấp thâm niên vượt khung	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (Mã số)	Bậc lương sau nâng bậc	Hệ số lương mới được nâng bậc	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % phụ cấp thâm niên vượt khung	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau	Hệ số lương tăng thêm do nâng bậc/ phụ cấp thâm niên vượt khung (hệ số chênh lệch)	
1	2	3	4		5	6		8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I. VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN ĐỀ NGHỊ BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUYẾT ĐỊNH																	
1	Nguyễn Thị Tĩnh		27/10/1976	Ban Giám Hiệu	Tiến sỹ	V.07.01.02	2	4.74	0	01/06/2020	V.07.01.02	3	5.08	0	01/06/2023	0.34	
2	Nguyễn Thanh Trúc	16/11/1979		Ban Giám Hiệu	Tiến sỹ	V.07.01.02	2	4.74	0	01/06/2020	V.07.01.02	3	5.08	0	01/06/2023	0.34	
3	Nguyễn Phương Đại Nguyên	20/06/1979		P. Đào tạo	PGS. TS	V.07.01.01	2	6.56	0	27/06/2020	V.07.01.01	3	6.92	0	27/06/2023	0.36	
4	Nguyễn Quang Vinh	07/05/1977		Viện CNSH&MT	PGS. TS	V.07.01.01	2	6.56	0	27/06/2020	V.07.01.01	3	6.92	0	27/06/2023	0.36	
II. VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN VỀ HƯU																	
5	Phan Văn Trọng	16/03/1960		K. Y Dược	PGS. TS	V.07.01.01	3	6.92	0	01/07/2021	V.07.01.01	4	7.28	0	01/07/2023	0.36	hưu 4/2024
III. VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN																	
6	Lê Thị Thủy Cúc		29/04/1975	BV Trường	CQĐT	016.130	7	2.73	0	01/01/2021	016.130	8	2.91	0	01/01/2023	0.18	
7	Mai Hải Đường		15/10/1983	BV Trường	Cử nhân	V.08.08.23	7	3.06	0	01/04/2021	V.08.08.23	8	3.26	0	01/04/2023	0.20	

Handwritten signature in blue ink.

1	2	3	4		5	6		8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
8	Trần Thị Kim Liên		23/06/1987	BV Trường	CQĐT	016.129	7	2.58	0	01/01/2021	016.129	8	2.76	0	01/01/2023	0.18	
9	Nguyễn Thị Kim Xuyên		20/12/1970	BV Trường	CQĐT	016.130	7	2.73	0	01/01/2021	016.130	8	2.91	0	01/01/2023	0.18	
10	Đặng Quang Định	24/07/1990		BV Trường	Thạc sỹ	V.08.05.12	3	3.00	0	01/04/2020	V.08.05.12	4	3.33	0	01/04/2023	0.33	
11	Nguyễn Thị Lệ		31/05/1988	BV Trường	BSCKI	V.08.01.03	3	3.00	0	01/01/2020	V.08.01.03	4	3.33	0	01/01/2023	0.33	
12	Đoàn Thị Kim Phượng		28/03/1985	K. CNTY	TSKH	V.07.01.03	4	3.33	0	01/05/2020	V.07.01.03	5	3.66	0	01/05/2023	0.33	
13	Nguyễn Văn Thái	27/08/1985		K. CNTY	Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3.00	0	04/01/2020	V.07.01.03	4	3.33	0	04/01/2023	0.33	
14	Nguyễn Quốc Hiếu	27/12/1988		K. CNTY	Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3.00	0	04/01/2020	V.07.01.03	4	3.33	0	04/01/2023	0.33	
15	Mai Quốc Vũ	25/05/1979		K. KHTN&CN	Thạc sỹ	V.07.01.02	1	4.40	0	01/02/2020	V.07.01.02	2	4.74	0	01/02/2023	0.34	
16	Đoàn Thị Thúy Vân		06/05/1989	K. KHTN&CN	Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3.00	0	01/04/2020	V.07.01.03	4	3.33	0	01/04/2023	0.33	
17	Phùng Nguyễn Thái Hằng		07/02/1983	K. KHTN&CN	Tiến sỹ	V.07.01.02	1	4.40	0	01/02/2020	V.07.01.02	2	4.74	0	01/02/2023	0.34	
18	Nguyễn Thị Hiền		07/11/1983	K. KHTN&CN	Thạc sỹ	V.07.01.02	1	4.40	0	01/02/2020	V.07.01.02	2	4.74	0	01/02/2023	0.34	
19	Phạm Thị Bé		15/02/1985	K. KHTN&CN	Tiến sỹ	V.07.01.02	1	4.40	0	01/02/2020	V.07.01.02	2	4.74	0	01/02/2023	0.34	
20	Phan Tứ Quý	12/03/1982		K. KHTN&CN	Tiến sỹ	V.07.01.02	1	4.40	0	01/02/2020	V.07.01.02	2	4.74	0	01/02/2023	0.34	
21	Ngũ Trường Nhân	22/10/1981		K. KHTN&CN	Tiến sỹ	V.07.01.02	1	4.40	0	01/02/2020	V.07.01.02	2	4.74	0	01/02/2023	0.34	
22	Phan Thị Thu Hà		15/11/1990	K. KHTN&CN	Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3.00	0	01/04/2020	V.07.01.03	4	3.33	0	01/04/2023	0.33	
23	Ninh Thị Minh Giang		18/04/1990	K. KHTN&CN	Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3.00	0	01/04/2020	V.07.01.03	4	3.33	0	01/04/2023	0.33	
24	Bùi Thị Quỳnh Hoa		08/02/1981	K. KHTN&CN	Thạc sỹ	V.07.01.02	1	4.40	0	01/02/2020	V.07.01.02	2	4.74	0	01/02/2023	0.34	
25	Nguyễn Hữu Kiên	18/08/1992		K. KHTN&CN	Thạc sỹ	V.07.01.03	2	2.67	0	04/01/2020	V.07.01.03	3	3.00	0	04/01/2023	0.33	
26	Nguyễn Minh Trung	23/08/1989		K. KHTN&CN	Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3.00	0	01/04/2020	V.07.01.03	4	3.33	0	01/04/2023	0.33	
27	Nguyễn Thị Minh Phương		01/03/1979	Khoa Kinh tế	Thạc sỹ	V.07.01.02	1	4.40	0	01/02/2020	V.07.01.02	2	4.74	0	01/02/2023	0.34	
28	Vũ Trinh Vương		20/04/1984	Khoa Kinh tế	Thạc sỹ	V.07.01.02	1	4.40	0	01/02/2020	V.07.01.02	2	4.74	0	01/02/2023	0.34	
29	Đỗ Mạnh Hoàng	12/03/1986		Khoa Kinh tế	Tiến sỹ	V.07.01.03	4	3.33	0	01/03/2020	V.07.01.03	5	3.66	0	01/03/2023	0.33	
30	Phạm Thảo Vy		02/09/1991	Khoa Kinh tế	Thạc sỹ	V.07.01.03	2	2.67	0	04/01/2020	V.07.01.03	3	3.00	0	04/01/2023	0.33	
31	Bùi Thị Thu Hằng		20/08/1984	Khoa Kinh tế	Tiến sỹ	V.07.01.02	1	4.40	0	01/02/2020	V.07.01.02	2	4.74	0	01/02/2023	0.34	
32	Nguyễn Thị Phương Thảo A		10/01/1985	Khoa Kinh tế	Thạc sỹ	V.07.01.02	1	4.40	0	01/02/2020	V.07.01.02	2	4.74	0	01/02/2023	0.34	

1	2	3	4		5	6		8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
33	Nguyễn Thị Hải Yến		18/10/1978	K. LLCT	Thạc sỹ	V.07.01.02	1	4.40	0	01/02/2020	V.07.01.02	2	4.74	0	01/02/2023	0.34	
34	Nguyễn Bảo Lâm	02/10/1986		K. LLCT	Thạc sỹ	V.07.01.03	4	3.33	0	12/04/2020	V.07.01.03	5	3.66	0	12/04/2023	0.33	
35	Trương Văn Thủy	02/03/1991		K. LLCT	Tiến sỹ	V.07.01.03	2	2.67	0	04/01/2020	V.07.01.03	3	3.00	0	04/01/2023	0.33	
36	Phạm Thị Tâm		20/10/1991	K. LLCT	Thạc sỹ	V.07.01.03	2	2.67	0	04/01/2020	V.07.01.03	3	3.00	0	04/01/2023	0.33	
37	Lại Thị Ngọc Hạnh		04/09/1984	K. LLCT	Tiến sỹ	V.07.01.02	1	4.40	0	01/02/2020	V.07.01.02	2	4.74	0	01/02/2023	0.34	
38	Trần Lê Thanh Tú		02/01/1987	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ	V.07.01.03	4	3.33	0	04/01/2020	V.07.01.03	5	3.66	0	04/01/2023	0.33	
39	Đoàn Thị Dung		20/02/1988	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3.00	0	08/04/2020	V.07.01.03	4	3.33	0	08/04/2023	0.33	
40	Rơ Lan A Nhi	11/09/1992		K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ	V.07.01.03	2	2.67	0	04/01/2020	V.07.01.03	3	3.00	0	04/01/2023	0.33	
41	Ngô Hà Thanh		20/10/1992	K. Ngoại ngữ	Đại học	V.07.01.03	2	2.67	0	04/01/2020	V.07.01.03	3	3.00	0	04/01/2023	0.33	
42	Hà Lê Hồng Hoa		19/06/1989	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ	V.07.01.03	2	2.67	0	04/01/2020	V.07.01.03	3	3.00	0	04/01/2023	0.33	
43	Lê Cao Linh Chi		18/08/1990	K. NLN	Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3.00	0	01/04/2020	V.07.01.03	4	3.33	0	01/04/2023	0.33	
44	Trần Thy Minh Kiều		02/12/1987	K. NLN	Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3.00	0	01/04/2020	V.07.01.03	4	3.33	0	01/04/2023	0.33	
45	Đỗ Tiến Thuận	28/01/1981		K. NLN	Thạc sỹ	V.07.01.02	1	4.40	0	01/02/2020	V.07.01.02	2	4.74	0	01/02/2023	0.34	
46	Trần Thị Biên Thùy		19/07/1988	K. NLN	Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3.00	0	08/04/2020	V.07.01.03	4	3.33	0	08/04/2023	0.33	
47	Đỗ Thị Thùy Linh		06/06/1987	K. Sư Phạm	Thạc sỹ	V.07.01.03	4	3.33	0	04/01/2020	V.07.01.03	5	3.66	0	04/01/2023	0.33	
48	Vũ Đình Công	28/08/1988		K. Sư Phạm	Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3.00	0	01/03/2020	V.07.01.03	4	3.33	0	01/03/2023	0.33	
49	Vũ Trọng Hào	16/05/1978		K. Sư Phạm	Thạc sỹ	V.07.01.03	7	4.32	0	01/01/2020	V.07.01.03	8	4.65	0	01/01/2023	0.33	
50	Nguyễn Thị Thủy Tiên		23/01/1991	K. Sư Phạm	Đại học	V.07.01.03	2	2.67	0	08/03/2020	V.07.01.03	3	3.00	0	08/03/2023	0.33	
51	Hoàng Thị Thúy		12/10/1972	K. Sư Phạm	Thạc sỹ	V.07.01.02	4	5.42	0	01/05/2020	V.07.01.02	5	5.76	0	01/05/2023	0.34	
52	Lê Thị Cẩm Lệ		16/04/1993	K. Sư Phạm	Thạc sỹ	V.07.01.03	2	2.67	0	04/01/2020	V.07.01.03	3	3.00	0	04/01/2023	0.33	
53	Bùi Thị Phương Thảo		01/04/1992	K. Sư Phạm	Thạc sỹ	V.07.01.03	2	2.67	0	04/01/2020	V.07.01.03	3	3.00	0	04/01/2023	0.33	
54	Đinh Thị Xuân Thảo		03/10/1983	K. Sư Phạm	Tiến sỹ	V.07.01.02	2	4.74	0	01/06/2020	V.07.01.02	3	5.08	0	01/06/2023	0.34	
55	Phạm Xuân Trí	02/06/1987		K. Sư Phạm	Thạc sỹ	V.07.01.03	4	3.33	0	04/01/2020	V.07.01.03	5	3.66	0	04/01/2023	0.33	
56	Bùi Quang Chiến	01/01/1985		K. Y Dược	Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3.00	0	15/03/2020	V.07.01.03	4	3.33	0	15/03/2023	0.33	
57	Nguyễn Hồ Huy Hoàng	05/06/1991		K. Y Dược	Thạc sỹ	V.07.01.03	2	2.67	0	04/01/2020	V.07.01.03	3	3.00	0	04/01/2023	0.33	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
58	Nguyễn Tiến Công	30/06/1988		K. Y Dược	Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3.00	0	15/03/2020	V.07.01.03	4	3.33	0	15/03/2023	0.33
59	Hồ Thị Thủy		15/06/1987	K. Y Dược	Đại học	V.08.07.18	2	2.67	0	01/02/2020	V.08.07.18	3	3.00	0	01/02/2023	0.33
60	Ngư Danh Sơn	01/11/1989		K. Y Dược	Đại học	V.07.01.03	3	3.00	0	15/03/2020	V.07.01.03	4	3.33	0	15/03/2023	0.33
61	Trương Ngô Ngọc Lan		17/07/1985	K. Y Dược	Thạc sỹ	V.07.01.03	4	3.33	0	01/02/2020	V.07.01.03	5	3.66	0	01/02/2023	0.33
62	Nguyễn Văn Long	20/11/1988		K. Y Dược	Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3.00	0	15/03/2020	V.07.01.03	4	3.33	0	15/03/2023	0.33
63	Lê Thị Yến Linh		14/04/1987	K. Y Dược	Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3.00	0	15/03/2020	V.07.01.03	4	3.33	0	15/03/2023	0.33
64	Hoàng Thị Chiến		20/10/1971	K. Y Dược	BS.CKI	V.07.01.03	7	4.32	0	01/02/2020	V.07.01.03	8	4.65	0	01/02/2023	0.33
65	Nguyễn Thị Hồng		16/06/1985	K. Y Dược	Đại học	V.08.07.18	4	3.33	0	01/04/2020	V.08.07.18	5	3.66	0	01/04/2023	0.33
66	Trịnh Ngọc Thảo Vy		04/08/1988	K. Y Dược	Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3.00	0	15/03/2020	V.07.01.03	4	3.33	0	15/03/2023	0.33
67	Phạm Văn Thành	17/04/1965		P. CSVN	Thạc sỹ	01.003	8	4.65	0	01/03/2020	01.003	9	4.98	0	01/03/2023	0.33
68	Đặng Thị Thúy Kiều		30/07/1979	P. Đào tạo	Tiến sỹ	V.07.01.02	1	4.40	0	01/01/2020	V.07.01.02	2	4.74	0	01/01/2023	0.34
69	Trần Văn Tài	07/03/1984		P. Đào tạo	Đại học	01.003	4	3.33	0	01/02/2020	01.003	5	3.66	0	01/02/2023	0.33
70	Nguyễn Thị Bích Ngọc		09/09/1989	P. HCTH	Cử nhân	V.10.02.06	3	3.00	0	01/03/2020	V.10.02.06	4	3.33	0	01/03/2023	0.33
71	Lê Thế Phiệt	20/10/1978		P. KHTC	Tiến sỹ	V.07.01.02	2	4.74	0	01/06/2020	V.07.01.02	3	5.08	0	01/06/2023	0.34
72	Mai Thị Quỳnh Trang		03/05/1982	P. KHTC	Đại học	06.031	4	3.33	0	01/03/2020	06.031	5	3.66	0	01/03/2023	0.33
73	Nguyễn Thị Thu Hương		09/03/1988	P. KHTC	Đại học	06.031	3	3.00	0	01/03/2020	06.031	4	3.33	0	01/03/2023	0.33
74	Lê Thụy Vân Nhi		23/07/1978	P. KH&QHQT	Đại học	01.002	1	4.40	0	01/03/2020	01.002	2	4.74	0	01/03/2023	0.34
75	Y Zi Na Ksor	15/05/1987		P. KH&QHQT	Đại học	01.003	2	2.67	0	01/02/2020	01.003	3	3.00	0	01/02/2023	0.33
76	Phạm Thị Oanh		20/12/1984	P. QLCL	Thạc sỹ	V.07.01.02	1	4.40	0	01/02/2020	V.07.01.02	2	4.74	0	01/02/2023	0.34
77	Trần Thị Giang		07/11/1976	P. QLCL	Thạc sỹ	01.003	8	4.65	0	01/04/2020	01.003	9	4.98	0	01/04/2023	0.33
78	Huỳnh Văn Quốc	27/09/1965		P. QLCL	Thạc sỹ	V.07.01.02	7	6.44	0	01/04/2020	V.07.01.02	8	6.78	0	01/04/2023	0.34
79	Ngũ Thị Nhung		03/06/1980	P. QLCL	Thạc sỹ	01.003	4	3.33	0	01/03/2020	01.003	5	3.66	0	01/03/2023	0.33
80	Hoàng Quang Duy	24/07/1984		P. TCCB	Thạc sỹ	V.07.01.02	1	4.40	0	01/02/2020	V.07.01.02	2	4.74	0	01/02/2023	0.34
81	Mã Thị Kim Hà		17/07/1985	P. TCCB	Đại học	01.003	4	3.33	0	01/05/2020	01.003	5	3.66	0	01/05/2023	0.33
82	Lê Thị Kim Tuyền		10/01/1988	P. TCCB	Thạc sỹ	01.003	3	3.33	0	01/05/2020	01.003	4	3.66	0	01/05/2023	0.33



Handwritten signature or mark in blue ink at the bottom right corner.

1	2	3	4		5	6		8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
83	Ao Xuân Hòa	28/02/1983		P. TT&TVTS	Tiến sỹ	V.07.01.02	1	4.40	0	01/02/2020	V.07.01.02	2	4.74	0	01/02/2023	0.34	
84	Trần Thị Thủy Trang		01/09/1978	Trg MNTH 11-11	Thạc sỹ	V.07.01.02	2	4.74	0	01/06/2020	V.07.01.02	3	5.08	0	01/06/2023	0.34	
85	Lại Văn Văn	23/04/1985		Trg THPTTHCN	Đại học	V.07.05.15	5	3.66	0	01/04/2020	V.07.05.15	6	3.99	0	01/04/2023	0.33	
86	Trần Thị Thu Hà		16/08/1978	TT GDQP&AN	Thạc sỹ	01.003	6	3.99	0	01/01/2020	01.003	7	4.32	0	01/01/2023	0.33	
87	Trần Quang Nhật	13/06/1974		TT NN TH	Thạc sỹ	V.07.01.03	7	4.32	0	01/03/2020	V.07.01.03	8	4.65	0	01/03/2023	0.33	
88	Phạm Thị Nga		10/10/1984	TT NN TH	Đại học	01.003	3	3.00	0	14/06/2020	01.003	4	3.33	0	14/06/2023	0.33	
89	Trương Thông Tuấn	10/10/1963		TT. KHXXH&NVN	Tiến sỹ	V.07.01.02	6	6.10	0	01/03/2020	V.07.01.02	7	6.44	0	01/03/2023	0.34	
90	Rah Lan Y Nei	16/06/1984		TT. KHXXH&NVN	Thạc sỹ	V.07.01.03	4	3.33	0	01/03/2020	V.07.01.03	5	3.66	0	01/03/2023	0.33	
91	Trần Thị Lệ Thanh		08/09/1977	TT. KHXXH&NVN	Thạc sỹ	V.07.01.02	1	4.40	0	01/02/2020	V.07.01.02	2	4.74	0	01/02/2023	0.34	

III. VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC TÍNH HƯỞNG THÊM PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG

92	Trần Trọng Bắc	10/10/1963		K. NLN	Thạc sỹ	V.07.01.02	8	6.78	0	01/02/2020	V.07.01.02	8	6.78	5	01/02/2021	5%	
----	----------------	------------	--	--------	---------	------------	---	------	---	------------	------------	---	------	---	------------	----	--

III. VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC NÂNG LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ HƯU

93	Trần Đình Thế	23/03/1963		K. NLN	Thạc sỹ	V.07.01.02	7	6.44	0	12/2020	V.07.01.02	8	6.78	0	01/01/2023	0.34	hưu 1/2024
94	Trần Thanh Tùng	15/05/1963		K. KHTN&CN	Tiến sỹ	V.07.01.02	7	6.44	0	12/2020	V.07.01.02	8	6.78	0	01/06/2023	0.34	hưu 6/2024
95	Lê Minh Hiến	17/03/1963		Thư viện	Thạc sỹ	01.002	4	5.42	0	05/2021	01.002	5	5.76	0	01/05/2023	0.34	hưu 1/2025

Danh sách gồm có 95 người./.